ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN**

KHOA VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT

**BỘ MÔN VĂN HÓA**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**PHONG TỤC LỄ HỘI VIỆT NAM**

**(Vietnamese folk festivals)**

**1. Thông tin về giảng viên**

**1.1. Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Mai Minh Tân**

Chức danh, học vị: Giảng viên chính, TS.

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

P.709 chung cư 8C,Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội (nhà riêng)

Địa chỉ liên hệ: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 84-4-8694323

Nhà riêng: 04-38680311

Email:

Điện thoại di động: 01676453402

Các hướng nghiên cứu chính:

• Lý luận văn học và Văn học Việt Nam hiện đại.

• Văn hóa Việt Nam.

• Tiếng Việt và ngôn ngữ.

• Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ.

**1.2. Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Lê Nguyễn Lê**

Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: Thứ hai, thứ sáu tại Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 84-4-8694323

Điện thoại di động: 0904587758

Email: [lenguyenphuongle@gmail.com](mailto:lenguyenphuongle@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính:

• Lịch sử Việt Nam

• Văn hóa Việt Nam.

**2. Thông tin chung về môn học:**

• Tên môn học: **Phong tục lễ hội Việt Nam.**

• Tên tiếng Anh: Vietnamese folk festivals

• Mã môn học: VLC 3055

• Số tín chỉ: 03

• Loại môn học: Tự chọn

• Môn học tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam.

• Môn học kế tiếp: Nhân học Việt Nam.

• Các yêu cầu đối với môn học:

- Nắm được những cốt lõi của môn học từ đó có đánh giá và hành xử đúng về văn hóa và văn minh Việt Nam.

- Có thể tự tìm tư liệu và định hướng nghiên cứu về Việt Nam trong tương lai.

• Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết: 42

- Thảo luận: 03

- Làm bài tập trên lớp: 00

- Thực hành, thực tập: 00

- Tự học xác định: 00

• Địa chỉ khoa phụ trách môn học: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt,B7 Bis, Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**3.** **Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học:**

**3.1. Mục tiêu chung:**

Môn học giới thiệu với sinh viên những cơ tầng cơ bản của phong tục lễ hội Việt Nam; Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về quy mô, tổ chức, các giá trị, chức năng, quy tắc phân tầng, quy tắc huy động nhân, tài, vật, lực của lễ hội Việt Nam. Đồng thời môn học cũng giúp cho sinh viên nắm bắt được hệ thống cơ bản nhất mới tương tác giữa lịch sử, hiện đại, giữa văn hóa vật thể và phi vật thể; giữa đời sống tâm linh và đời sống trần tục; cũng như các giá trị nhân sinh quan, thế giới quan của dân tộc Việt thông qua phong tục lễ hội, từ đó sinh viên có những đánh giá và liên kết với khu vực và dân tộc mình.

**3.2. Chuẩn đầu ra của môn học** (Mục tiêu cụ thể):

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể:

**a. Về kiến thức:**

- Được trang bịnhững kiến thức cơ bản về cơ tầng phong tục lễ hội của Việt Nam trên các phương diện địa lý, tự nhiên, môi trường, lịch sử, xã hội, phong tục, tín ngưỡng…

- Rút ra những đặc điểm về phong tục lễ hội Việt Nam trong so sánh với phong tục lễ hội của các nước phương Đông cũng như phương Tây.

- Có được những hiểu biết nền tảng nhất về quy mô, tổ chức, chức năng, hệ thống phân loại những lễ hội chính… và đặc biệt là những lĩnh hội về giao thoa văn hóa.

**b. Về kỹ năng:**

**-** Sinh viên sẽ được làm quen và tăng cường các kỹ năng, thủ pháp khi phân loại, lựa chọn, tiếp cận và xử lý một vấn đề vừa mang tính lý thuyết, vừa mang tính thực hành văn hóa bằng phương pháp luận tổng hợp liên ngành kết hợp với điền dã dân tộc và so sánh.

- Sinh viên cũng được rèn luyện và nâng cao hơn khả năng hoạt động theo nhóm và khả năng làm chủ để thuyết trình hay bảo vệ một vấn đề.

- Sinh viên nước ngoài sẽ được nâng cao hơn, hoàn thiện hơn những kỹ năng nói, nghe, đọc, viết trong quá trình học tập và sử dụng tiếng Việt; có hiểu biết nhất định về phong tục lễ hội Việt Nam trên. Từ đó có khả năng phân tích, tổng hợp hóa, khái quát hóa, so sánh với phong tục lễ hội bản địa.

**c. Về thái độ:**

- Môn học sẽ nâng cao hiểu biết về Việt Nam cho sinh viên thông qua hiểu biết phong tục lễ hội.

**-** Mang lại cho sinh viên những định giá đúng và ứng xử phù hợp với văn hóa Việt Nam.

- Tạo điều kiện cho sinh viên yêu thích và say mê học môn học, từng bước hình thành niềm tự hào về truyền thống lễ hội văn hóa của dân tộc, từ đó nâng cao ý thức giữ gìn và bảo tồn nền văn hóa của dân tộc…

**3.3. Chuẩn đầu ra chi tiết của môn học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mụctiêu**  **Nội dung** | **Mức I** | **Mức II** | **Mức III** |
| **Chương**  **1**  Giới thiệu  tổng quan  môn học & giới thuyết chung về PTLHVN | I.A.1. Nêu được vị trí, vai trò, yêu cầu của môn học  I.A.2. Nhận ra những nội dung chính, PP học của môn học.  I.A.3. Nêu được vai trò của phong tục lễ hội (PTLH) trong văn hóa tộc người. | I.B.1. Nắm vững vị trí vai trò những nội dung chính và PP học của môn học.  I.B.2. Nắm được vai trò của PTLH trong văn hóa tộc người.  I.B.3. Hiểu được q.niệm của người Việt và t.hình ng.cứu về PTLHVN nói chung | I.C.1. Phân tích vị trí, vai trò, những nội dung chính và phương pháp học của môn học  I.C.2. Phân tích vai trò của PTLH trong văn hóa tộc người. |
| **Chương**  **2**  Những  cơ tầng  cơ bản  của  PTLH  Việt Nam | II.A.1. Nắm được những cơ tầng cơ bản của PTLH VN trên các phương diện: tự nhiên, môi trường, kinh tế, sản xuất…  II.A.2. Nhận ra những đặc điểm cấu trúc xã hội, chính trị, văn hóa làm nền tảng cho PTLH VN | II.B.1. Nắm vững những cơ tầng cơ bản của PTLHVN trên các phương diện: tự nhiên, môi trường, kinh tế, sản xuất…  II.B.2. Hiểu được những đặc điểm cấu trúc xã hội, chính trị, văn hóa làm nền tảng cho PTLHVN. | II.C.1. Phân tích những cơ tầng cơ bản của PTLHVN  II.C.2. Phân tích và đánh giá những đặc điểm cấu trúc xã hội, chính trị, văn hóa làm nền tảng cho PTLHVN |
| **Chương**  **3**  Thành phần cơ cấu  của  PTLH  Việt Nam. | III.A.1. Biết được những thành phần cơ cấu cơ bản của PTLHVN cả hai ph.diện: cơ cấu vật thể (CCVT) và cơ cấu phi vật thể.  III.A.2. Nêu lên quy mô lễ hội VN ở các cấp từ thấp đến cao.  III.A.3. Nhận biết được những đ.điểm cơ bản của phần lễ và phần hội | III.B.1. Nắm được những thành phần cơ cấu cơ bản của PTLHVN cả hai phương diện: cơ cấu vật thể và cơ cấu phi vật thể (CCPVT)  III.B.2. Nắm được quy mô lễ hội VN ở các cấp từ thấp đến cao.  III.B.3. Nắm vững những đ.điểm cơ bản của phần lễ & phần hội | III.C.1. Phân tích và đánh giá thành phần cơ cấu cơ bản của PTLHVN trên hai ph.diện: (CCVT) và (CCPVT)  III.C.2. Phân tích những đặc điểm cơ bản của phần lễ III.C.3. Phân tích những đ.điểm cơ bản của phần hội. |
| **Chương**  **4**  Tổ  chức  lễ  hội | IV.A.1. Nhận biết được th.gian, kh.gian và địa điểm tổ chức lễ hội.  IV.A.2. Nêu được nguyên tắc huy động nhân, tài, vật, lực cho lễ hội.  IV.A.3. Biết được những nghi lễ cơ bản của phần Lễ.  IV.A.4. Nêu được những trò chơi, hội thi tài, NTDX dân gian trong phần Hội. | IV.B.1. Hiểu được thời gian, không gian và địa điểm tổ chức lễ hội.  IV.B.2. Nắm được những nguyên tắc huy động nhân, tài, vật, lực cho lễ hội.  IV.B.3. Nắm chắc những nghi lễ cơ bản của phần Lễ.  IV.B.4. Hiểu rõ những trò chơi, hội thi tài, NTDX dân gian trong phần Hội. | IV.C.1. Phân tích đặc tính mùa vụ của thời gian lễ hội.  2. Phân tích nguyên tắc huy động nhân, tài, vật, lực cho lễ hội.  3. Đánh giá về những trò chơi, hội thi tài, NTDX dân gian trong phần Hội (cho VD minh họa). |
| **Chương**  **5**  Phân  loại  lễ  hội | V.A.1. Nêu được những đặc trưng lễ hội tái hiện lịch sử.  V.A.2. Nhận biết được đặc điểm của các LH: tái hiện lịch sử, lễ hội nghề nghiệp, lễ hội tôn giáo. | V.B.1. Nắm vững những đặc trưng lễ hội tái hiện lịch sử.  V.B.2. Hiểu và phân biệt được: LH tái hiện lịch sử, LH nghề nghiệp, LH tôn giáo, LH hiện đại | V.C.1. Phân tích đặc trưng lễ hội tái hiện lịch sử.  V.C.2. Đánh giá đặc trưng của các LH: tái hiện lịch sử, lễ hội nghề nghiệp, lễ hội tôn giáo. |
| **Chương**  **6**  Chức  năng  và  giá trị  lễ hội. | VI.A.1. Nêu được chức năng, giá trị hiệu triệu và giá trị biểu dương ca ngợi của LH.  VI.A.2. Nhận biết được chức năng, giá trị giáo dục và giá trị lưu giữ, truyền bá của lễ hội. | VI.B.1. Nắm vững chức năng, giá trị hiệu triệu và giá trị biểu dương ca ngợi của LH.  VI.B.2. Nêu được chức năng, giá trị giáo dục và giá trị lưu giữ, truyền bá của lễ hội. | VI.C.1. Phân tích chức năng, giá trị hiệu triệu và giá trị biểu dương ca ngợi của LH.  VI.C.2. Đánh giá chức năng, giá trị giáo dục và giá trị lưu giữ, truyền bá của lễ hội. |
| **Chương**  **7**  Một số  lễ hội  tiêu biểu | VII.A.1. Nêu được một số lễ hội tiêu biểu ở VN, như Hội Lim, Hội Gióng, Hội Phủ Giày…  VII.A.2. Nhớ được lịch sử hình thành, phát triển, thực trạng và sự ảnh hưởng của các LH đó đối với đời sống, sinh hoạt tín ngưỡng của người Việt nói chung. | VII.B.1. Hiểu được lịch sử hình thành, phát triển, và sự ảnh hưởng của các LH đó đối với đời sống, sinh hoạt tín ngưỡng của người Việt nói chung.  VII.B.2. Nắm được cách thức tổ chức của của Hội Lim, Hội Gióng, Hội Phủ Giày… | VII.C.1. Phân tích lịch sử hình thành, phát triển, thực trạng và những ảnh hưởng về mặt tín ngưỡng của Hội Lim (hoặc Hội Phủ Giày, hoặc Hội Gióng)  VII.C.1. Đánh giá cách thức tổ chức của Hội Lim, Hội Gióng, Hội Phủ Giày… |
| **Chương**  **8**  Thực trạng và khuynh hướng biến đổi của sinh hoạt… | VIII.A.1. Nêu được thực trạng của Hội Lim, Hội Gióng, Hội Phủ Giày…  VIII.A.2. Nêu được những khuynh hướng biến đổi về mặt sinh hoạt tín ngưỡngvà hoạt động lễ hội của Hội Lim, Hội Gióng, Hội Phủ Giày từ sau đổi mới đến nay | VIII.B.1. Hiểu rõ thực trạng của Hội Lim, Hội Gióng, Hội Phủ Dày…  VIII.B.2. Nắm được những khuynh hướng biến đổi về mặt sinh hoạt tín ngưỡngvà hoạt động lễ hội của Hội Lim, Hội Gióng, Hội Phủ Giày từ sau đổi mới đến nay | VIII.C.1. Đánh giá thực trạng của hội Lim (hoặc hội Gióng, hoặc hội Phủ Giày).  VIII.C.1. Phân tích xu hướng thương mại hóa, xu hướng mê tín dị đoan xuất hiện khá phổ biến trong một số LH tiêu biểu hiện nay. |
| **Chương**  **9**  **Tổng kết** | IX.A.1. Tổng kết về phong tục lễ hội VN. | IX.B.1. So sánh, đánh giá về phong tục lễ hội VN. | IX.C.1. Đề xuất giải pháp góp phần bảo lưu và phát triển phong tục LHVN |

**4. Tóm tắt nội dung môn học:**

Việt Nam là một quốc gia đa sắc tộc với 54 dân tộc; lại có một địa hình với trường độ kéo dài và đa dạng địa lý, môi trường. Việt Nam cũng là một quốc gia có bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa giàu bản sắc. Do đó văn hóa lễ hội Việt Nam cũng vô cùng đặc sắc và phong phú. Tuy nhiên với thời lượng 3 đơn vị học trình (45 tiết); giáo trình môn học “Phong tục Lễ hội Việt Nam” chỉ có thể giới thiệu những nét cơ bản nhất cũng như những lễ hội tiêu biểu nhất.

Do đó, môn học giới thiệu cho sinh viên về phong tục lễ hội Việt Nam. Phần mở đầu môn học giới thiệu giới thuyết chung về phong tục lễ hội Việt Nam; phần tiếp theo là những vấn đề chung nhất về cơ tầng, cơ cấu, tổ chức, hệ thống phân loại, những chức năng và giá trị cơ bản của lễ hội Việt Nam; phần cuối cùng giới thiệu một số lễ hội tiêu biểu nhất đồng thời đưa ra thực trạng, khuynh hướng biến đổi của sinh hoạt.

**5. Nội dung chi tiết môn học:**

**5.1. Chương 1**: **Tổng quan môn học và khái quát PTLHVN**

1. Giới thiệu vị trí, vai trò và những nội dung chính của môn học.

2. Yêu cầu và phương pháp học của môn học.

3. Vai trò của phong tục lễ hội trong văn hóa tộc người.

4. Quan niệm của người Việt về Lễ Hội.

5. Tình hình nghiên cứu về phong tục lễ hội Việt Nam.

**5.2. Chương 2: Những cơ tầng cơ bản của**

**phong tục lễ hội Việt Nam**

1. Cơ tầng địa lý, tự nhiên, môi trường, khí hậu và phân bố động thực vật Việt Nam.

2. Cơ tầng kinh tế, lao động, sản xuất của phong tục lễ hội Việt Nam.

3. Cơ tầng cấu trúc xã hội.

4. Cơ tầng chính trị.

5. Cơ tầng văn hóa.

**5.3. Chương 3: Thành phần cơ cấu của phong tục lễ hội Việt Nam**

1. Cơ cấu:

1.1. Cơ cấu vật thể.

1.2. Cơ cấu phi vật thể.

2. Quy mô: từ thấp đến cao, từ dòng họ-làng-liên làng- khu vực-Quốc gia.

3. Thành phần cơ bản:

3.1. Phần lễ.

3.2. Phần hội.

**5.4. Chương 4**: **Tổ chức lễ hội**

1. Thời gian lễ hội: tính mùa vụ.

2. Nguyên tắc huy động: nhân-tài-vật-lực.

3. Không gian và địa điểm lễ hội.

4. Trò chơi dân gian.

5. Hội thi tài.

6. Nghệ thuật diễn xướng dân gian.

**5.5. Chương 5:** **Phân loại lễ hội.**

1. Lễ hội tái hiện lịch sử.

2. Lễ hội nghề nghiệp

3. Lễ hội tôn giáo

4. Lễ hội hiện đại

**5.6. Chương 6: Chức năng và giá trị lễ hội.**

**1.** Chức năng hiệu triệu.

2. Chức năng biểu dương, ca ngợi.

3. Chức năng và giá trị giáo dục.

4. Chức năng và giá trị lưu giữ, truyền bá.

**5.7. Chương 7: Một số lễ hội tiêu biểu**

1. Hội Lim

2. Hội Gióng

3. Hội phủ Giày (Giầy)

**5.8. Chương 8: Thực trạng & khuynh hướng biến đổi của sinh hoạt**

**TN và hoạt động LH từ sau đổi mới đến nay**

1. Thực trạng sinh hoạt tín ngưỡng từ sau đổi mới đến nay

2. Những khuynh hướng biến đổi của sinh hoạt TN và hoạt động LH từ sau đổi mới đến nay.

2.1. Khuynh hướng thương mại hóa

2.2. Khuynh hướng mê tín dị đoan

**5.9. Chương 9: Tổng kết và ôn tập**

1. Tổng kết toàn bộ nội dung đã học

2. So sánh phong tục lễ hội Việt Nam với khu vực và thế giới

3. Ôn tập và chuẩn bị thi hết môn

**6. Học liệu:**

**6.1. Học liệu bắt buộc:**

6.1.1. Viện Văn hóa Dân gian, Lễ hội cổ truyền, Nxb Khoa học Xã hội Hà Nội, 1992.

6.1.2. Lê Hồng Lý, Sự tác động của kinh tế thị trường vào lễ hội tín ngưỡng, Nxb Văn hóa Thông tin 2008

6.1.3. Trần Quốc Vượng, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb Giáo Dục, H.1997.

6.1.2. Đinh Gia Khánh-Lê Hữu Tầng (cb), Lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội hiện đại, Nxb KHXH, H.1993.

6.1.3. Thạch Phương-Lê Trung Vũ, Lễ hội truyền thống Việt Nam, Nxb Khoa học Xã hội, H.1960.

6.1.4. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Văn hóa Dân gian, Văn hóa Dân gian – những lĩnh vực nghiên cứu, Nxb Khoa học Xã hội, H.1989.

**6.2. Học liệu tham khảo:**

6.2.1. Đào Duy Anh, Việt Nam Văn hóa sử cương, Nxb Bốn phương, H.1938.

6.2.2. Phan Kế Bính, Việt Nam Phong tục, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.

6.2.3. Trần Đức, Nền văn minh Sông Hồng xưa và nay, Nxb KHXH, H.1993.

6.2.1. Toan Ánh, Hội hè đình đám (quyển 2), Nxb Hồ Chí Minh, 1992.

6.2.2. Sơn Nam, Đình miếu và lễ hội dân gian miền Nam, Nxb Trẻ, 2004

6.2.3. Lê Ngọc Canh, Văn hóa Dân gian - những thành tố, Nxb Văn hóa Thông tin, 1999.

**7. Hình thức tổ chức dạy học:**

**7.1. Lịch trình chung:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung**  (15 tuần) | **Hình thức tổ chức dạy học môn học** | | | | | **Tổng số**  **giờ** |
| **Trên lớp** | | | Thực hành  điền dã | Tự học nghiên cứu |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận |
| Tuần 1: Chương 1 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 2: Chương 2 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 3: Chương 3 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 4: Chương 3 | 2 |  | 1 |  |  |  |
| Tuần 5: Chương 4 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 6: Chương 4 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 7: Chương 5 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 8: Chương 5  & Kiểm tra giữa kì | 2  2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 9: Chương 6 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 10: Chương 6 | 2 |  | 1 |  |  |  |
| Tuần 11: Chương 7 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 12: Chương 7 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 13: Chương 8 | 3 |  |  |  |  |  |
| Tuần 14: Chương 8 | 2 |  | 1 |  |  |  |
| Tuần 15: Chương 9 | 3 |  |  |  |  |  |
| **Tổng số giờ tín chỉ** | **42** |  | **3** |  |  | **45** |
| **Tổng số giờ trên lớp** | **42** |  | **3** |  |  | **45** |

**7.2. Lịch trình cụ thể**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức,tổ chức dạy học** | **Thời gian, địa điểm** | **Nội dung chính** | **Yêu cầu sinh viên**  **chuẩn bị** | **Ghi chú** |
|  |  | **Tuần 1** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 1** | - Tải đề cương môn học từ trang Web…  - Xây dựng đề cương học tập cá nhân.  - Phân nhóm thảo luận. |  |
| Tự học | ở nhà | Theo hướng dẫn của GV | - Đọc HLBB số 6.1.1. (tr8-tr16); số 6.1.2. (tr13-tr95)  số 6.1.3. (tr7-tr65)  -Đọc HLTK số 6.2.1. (tr222-tr333); 6.2.2. (tr13-97); 6.2.3. (tr522-533) |  |
|  |  | **Tuần 2** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 2** | - Đọc HLBB 6.1.1. (tr16-tr67); 6.1.2. (tr13– tr95); 6.1.3. (tr66 – tr105); HLTK) 6.2.1. (tr222- tr333); 6.2.2. (tr13-97); 6.2.3. (tr522-533) |  |
|  |  | **Tuần 3** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 3** | - Đọc HLBB 6.1.1. (tr67-tr99); 6.1.2. (tr95 – tr180); 6.1.3. (tr66 – tr105); HLTK 6.2.1. (tr222- tr333); 6.2.2. (tr13-97); 6.2.3. (tr541-575) |  |
|  |  | **Tuần 4** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Chương 3** | - Đọc HLBB 6.1.1. (tr67-tr99); 6.1.2. (tr95 – tr180); 6.1.3. (tr66 – tr105); 6.2.1. (tr222- tr333); HLTK.6.2.2. (tr13-97); HLTK 6.2.3. (tr541-575) |  |
| Thảo luận | 1h tại lớp |  | Chuẩn bị câu hỏi TL |  |
|  |  | **Tuần 5** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 4** | - Đọc HLBB 6.1.1. (tr67-tr99); 6.1.2. (tr95 – tr180)  - Đọc HLTK. 6.2.1; 6.2.2. (tr199-tr271); 6.2.3. (tr541-575) |  |
|  |  | **Tuần 6** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 4** | - Đọc HLBB 6.1.1. (tr67-tr99); 6.1.2. (tr95 – tr180); HLTK) 6.2.1; 6.2.2. (tr199 -tr271); 6.2.3. (tr541-575) |  |
|  |  | **Tuần 7** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 5** | - Đọc HLBB 6.1.1. (tr.99-tr.195); Đọc HLTK 6.2.1; 6.2.3. (tr.541-tr.575) |  |
|  |  | **Tuần 8** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Chương 5** | - Đọc HLBB 6.1.1. (tr99-tr195); HLTK) 6.2.1; 6.2.3. (tr541-tr575) |  |
| Kiểm tra  giữa kỳ | 1h tại lớp |  |  |  |
|  |  | **Tuần 9** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 6** | - Đọc HLBB 6.1.1. (tr195-tr221); HLTK 6.2.1; 6.2.3. (tr533-541) |  |
|  |  | **Tuần 10** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Chương 6** | - Đọc HLBB. 6.1.1. (tr195-tr221); HLTK) 6.2.1; 6.2.3. (tr533-541) |  |
| Thảo luận | 1h tại lớp |  | Chuẩn bị câu hỏi TL |  |
|  |  | **Tuần 11** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 7** | - Đọc HLBB 6.1.1. (tr221-tr308); 6.1.2. (tr95-tr267); 6.1.3. (tr220 – tr282)  HLTK 6.2.1, 6.2.2. |  |
|  |  | **Tuần 12** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 7** | - Đọc HLBB: 6.1.1. (tr.221-tr.308); 6.1.2. (tr.95-tr.267); 6.1.3. (tr.220 - tr.282; HLTK 6.2.1, 6.2.2. |  |
|  |  | **Tuần 13** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 8** | - Đọc HLBB 6.1.2; 6.1.3 (tr295-298); HLTK. 6.2.1, 6.2.2. |  |
|  |  | **Tuần 14** |  |  |
| Lý thuyết | 2 giờ  trên lớp | **Chương 8** | - Đọc HLBB. 6.1.2; 6.1.3 (tr.295-298); HLTK: 6.2.1; 6.2.2. |  |
| Thảo luận | 1h tại lớp |  | Chuẩn bị câu hỏi TL |  |
|  |  | **Tuần 15** |  |  |
| Lý thuyết | 3 giờ  trên lớp | **Chương 9**  & Ôn tập các nội dung đã học, trả lời câu hỏi s/v | - Đọc học liệu bắt buộc (HLBB) 6.1.1, 6.1.2, 6.1.3  - Đọc học liệu tham khảo (HLTK) 6.2.1, 6.2.2, 6.2.3 |  |

**5. Nội dung chi tiết môn học:**

**5.1. Chương 1**: **Tổng quan và nhập môn PTLHVN**

1. Giới thiệu vị trí, vai trò và những nội dung chính của môn học.

2. Yêu cầu và phương pháp học của môn học.

3. Vai trò của phong tục lễ hội trong văn hóa tộc người.

4. Quan niệm của người Việt về Lễ Hội.

5. Tình hình nghiên cứu về phong tục lễ hội Việt Nam.

**5.2. Chương 2: Những cơ tầng cơ bản của phong tục lễ hội Việt Nam**

1. Cơ tầng địa lý, tự nhiên, môi trường, khí hậu và phân bố động thực vật Việt Nam.

2. Cơ tầng kinh tế, lao động, sản xuất của phong tục lễ hội Việt Nam.

3. Cơ tầng cấu trúc xã hội.

4. Cơ tầng chính trị.

5. Cơ tầng văn hóa.

**5.3. Chương 3: Thành phần cơ cấu của phong tục lễ hội Việt Nam**

1. Cơ cấu:

1.1. Cơ cấu vật thể.

1.2. Cơ cấu phi vật thể.

2. Quy mô: từ thấp đến cao, từ dòng họ-làng-liên làng-khu vực - Quốc gia.

3. Thành phần cơ bản:

3.1. Phần lễ.

3.2. Phần hội.

**5.4. Chương 4**: **Tổ chức lễ hội**

1. Thời gian lễ hội: tính mùa vụ.

2. Nguyên tắc huy động: nhân-tài-vật-lực.

3. Không gian và địa điểm lễ hội.

4. Trò chơi dân gian.

5. Hội thi tài.

6. Nghệ thuật diễn xướng dân gian.

**5.5. Chương 5:** **Phân loại lễ hội.**

1. Lễ hội theo mùa.

2. Lễ hội theo Tôn giáo.

3. Lễ hội lịch sử.

4. Lễ hội văn hóa.

5. Lễ hội sinh hoạt.

6. Lễ hội sản xuất.

**5.6. Chương 6: Chức năng và giá trị lễ hội.**

1. Chức năng hiệu triệu.

2. Chức năng biểu dương, ca ngợi.

3. Chức năng và giá trị giáo dục.

4. Chức năng và giá trị lưu giữ, truyền bá.

**5.7. Chương 7: Một số lễ hội tiêu biểu**

1. Hội Lim

2. Hội Gióng

3. Hội phủ Giày

**5.8. Chương 8: Thực trạng & khuynh hướng biến đổi của SHTN**

**& HĐLH từ sau đổi mới đến nay**

1. Thực trạng sinh hoạt tín ngưỡng từ sau đổi mới đến nay

2. Những khuynh hướng biến đổi của sinh hoạt TN và hoạt động LH từ sau đổi mới đến nay.

2.1. Khuynh hướng thương mại hóa

2.2. Khuynh hướng mê tín dị đoan

**5.9. Chương 9: Tổng kết và ôn tập**

1. Tổng kết toàn bộ nội dung đã học

2. So sánh phong tục lễ hội Việt Nam với khu vực và thế giới

3. Ôn tập và chuẩn bị thi hết môn

**6. Học liệu:**

**6.1. Học liệu bắt buộc:**

6.1.1. Trần Quốc Vượng, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb Giáo Dục, H.1997.

6.1.2. Đinh Gia Khánh-Lê Hữu Tầng (cb), Lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội hiện đại, Nxb KHXH, H.1993.

6.1.3. Thạch Phương-Lê Trung Vũ, Lễ hội truyền thống Việt Nam, Nxb Khoa học Xã hội, H.1960.

6.1.4. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Văn hóa Dân gian, Văn hóa Dân gian – những lĩnh vực nghiên cứu, Nxb Khoa học Xã hội, H.1989.

**6.2. Học liệu tham khảo:**

6.2.1. Đào Duy Anh, Việt Nam Văn hóa sử cương, Nxb Bốn phương, H.1938.

6.2. 2. Phan Kế Bính, Việt Nam Phong tục, Nxb Thành phố HCM, 1992.

6.2.3. Trần Đức, Nền văn minh Sông Hồng xưa và nay, Nxb KHXH, H.1993.

6.2.4. Toan Ánh, Hội hè đình đám (quyển 2), Nxb Hồ Chí Minh, 1992.

**7. Hình thức tổ chức dạy học:**

**7.1. Lịch trình chung:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung**  (15 tuần) | **Hình thức tổ chức dạy học môn học** | | | | | Tổng giờ |
| **Trên lớp** | | | Thực hành, điền dã | Tự học, nghiên cứu |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận |
| Tuần 1: **Chương 1** | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 2: **Chương 2** | 3 |  | 1 |  |  | 4 |
| Tuần 3: **Chương 3** | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 4: **Chương 3** | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 5: **Chương 4** | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 6: **Chương 4** | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 7: **Chương 5** | 2 |  |  |  |  | 2 |
| Tuần 8: **Chương 5**  & Kiểm tra giữa kì | 3  1 |  |  |  |  | 4 |
| Tuần 9: **Chương 6** | 2 |  |  |  |  | 2 |
| Tuần 10: **Chương 6** | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 11: **Chương 7** | 2 |  | 1 |  |  | 3 |
| Tuần 12: **Chương 7** | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 13: **Chương 8** | 2 |  |  |  |  | 2 |
| Tuần 14: **Chương 8** | 3 |  | 1 |  |  | 4 |
| Tuần 15: **Chương 9** | 3 |  |  |  |  | 3 |
| **Tổng số giờ tín chỉ** | **42** |  | **3** |  |  | **45** |
| **Tổng số giờ trên lớp** | **42** |  | **3** |  |  | **45** |

**8. Chính sách đối với các môn học:**

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong ĐCMH

- Đi học đủ (không nghỉ quá 20% tổng giờ).

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

**9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học**

**9.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:** trên lớp

**9.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Tính chất của nội dung kiểm tra** | **Mục đích kiểm tra** | **Trọng số** |
| Đánh giá  thường xuyên | - Điểm danh  - Tích cực học tập (phát biểu, trả lời câu hỏi)  -Năng lực tổ chức, hợp tác trình bày vấn đề | - Đánh giá phản xạ trí tuệ.  - Đánh giá kỹ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm | 10% |
| Bài kiểm tra  giữa môn | Kết hợp lý luận và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá kỹ năng thực hành, trình bày và nghiên cứu độc lập | 30% |
| Bài thi  hết môn | Kết hợp lí luận và khả năng tổng hợp phân tích | Đánh giá 3 mức:  - Nhớ các câu hỏi kiểm tra nội dung (30%)  - Hiểu câu hỏi, yêu cầu giải thích, lấy VD dẫn chứng (50%)  - T.hợp ph.tích các câu hỏi (20%) | 60% |

**9.3. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá:**

**9.3.1. Bài chuẩn bị cá nhân:** Dùng để kiểm tra sự chuẩn bị, tự tìm hiểu của sinh viên về một nội dung cụ thể. Sinh viên cần thực hiện hàng tuần theo yêu cầu của môn học. Các tiêu chí đánh giá loại bài tập này gồm:

**+ Nội dung:**

1. Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng hợp lý.

2. Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.

3. Có bằng chứng về việc sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

**+ Hình thức:**

4. Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, không quá dài so với quy định của giảng viên. Ngoài ra, tùy loại vấn đề mà giảng viên có thể có các tiêu chí đánh giá riêng.

**+ Cụ thể biểu đánh giá điểm như sau:**

**- Điểm 9-10:** Đạt cả 4 tiêu chí

**- Điểm 7-8:**  Đạt 2 tiêu chí đầu; tiêu chí 3 chưa đầy đủ; tiêu chí 4 còn mắc lỗi.

**- Điểm 5-6:** Đạt tiêu chí 1; tiêu chí 2 chưa giải quyết trọn vẹn; tiêu chí 3&4 còn mắc lỗi nhỏ.

**- Điểm dưới 5:** Không đạt cả 4 tiêu chí.

**9.3.2. Các hình thức khác có thể áp dụng:**

- Thuyết trình theo nhóm.

- Kiểm tra trắc nghiệm.

**9.4. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):**

- Lịch kiểm tra giữa kỳ: tuần 8 của học kỳ

- Lịch kiểm tra cuối kỳ: theo thông báo của Phòng đào tạo

- Lịch thi lại: theo thông báo của Phòng đào tạo

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2013

**Duyệt Chủ nhiệm bộ môn Giảng viên**

*(Thủ trưởng đơn vị đào tạo) (Ký tên) (Ký tên)*